



**Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực
Việt Nam – Văn phòng Công ty**

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017



**Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam – Văn phòng Công ty
Thông tin về Công ty**

**Giấy chứng nhận đăng ký
doanh nghiệp số**

0101264520

ngày 3 tháng 6 năm 2002

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu số 0101264520 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 3 tháng 6 năm 2002. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101264520 đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 12 tháng 7 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Thanh Tùng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Khóa	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thịnh	Thành viên
Ông Khuất Quang Mậu	Thành viên
Ông Nguyễn Tùng Phương	Thành viên (<i>từ ngày 1 tháng 12 năm 2017</i>)
Ông Nguyễn Tiến Khoa	Thành viên (<i>đến ngày 1 tháng 12 năm 2017</i>)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Thanh Tùng	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Đình Lê	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Minh Trung	Trưởng ban
Ông Hồ Quang Hải	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Tuyết	Thành viên
Bà Đinh Thị Diễm Quỳnh	Thành viên
Ông Trần Tấn Nhật	Thành viên (<i>từ ngày 21 tháng 4 năm 2017</i>)
Ông Trần Anh Tuấn	Thành viên (<i>đến ngày 21 tháng 4 năm 2017</i>)

Trụ sở đăng ký

Tầng 3 – CT1 – 583 Nguyễn Trãi,
Phường Văn Quán, Quận Hà Đông,
Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam – Văn phòng Công ty
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Văn phòng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty được trình bày từ trang 5 đến trang 35 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Văn phòng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Văn phòng Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Văn phòng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty đính kèm.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc *[Signature]*

Nguyễn Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2018



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam – Văn phòng Công ty

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 23 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 35.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Văn phòng Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Văn phòng Công ty được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính đó trong báo cáo kiểm toán ngày 13 tháng 3 năm 2017.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 17-02-096-2-VP



Đạm Xuân Lâm

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0861-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 23 tháng 3 năm 2018

Đoàn Thanh Toàn

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3073-2014-007-1

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam – Văn phòng Công ty
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		225.818.361.851	147.346.177.267
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	142.784.996.372	57.097.060.312
Tiền	111		3.323.603.252	830.027.609
Các khoản tương đương tiền	112		139.461.393.120	56.267.032.703
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		82.932.041.771	89.502.436.238
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	40.305.965.043	40.513.616.280
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		35.596.641.710	38.554.928.509
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		1.948.760.557	1.408.518.089
Phải thu ngắn hạn khác	136	6	5.080.674.461	9.025.373.360
Hàng tồn kho	140	7	81.777.800	728.844.355
Hàng tồn kho	141		81.777.800	728.844.355
Tài sản ngắn hạn khác	150		19.545.908	17.836.362
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	13(a)	19.545.908	17.836.362
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		3.376.040.766.309	3.307.590.477.261
Các khoản phải thu dài hạn	210		602.016.477.811	600.270.556.385
Phải thu nội bộ dài hạn	214	8	602.016.477.811	600.270.556.385
Tài sản cố định	220		16.919.034.107	17.613.311.949
Tài sản cố định hữu hình	221	9	16.784.847.152	17.518.723.086
Nguyên giá	222		38.461.429.450	37.765.678.691
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(21.676.582.298)	(20.246.955.605)
Tài sản cố định vô hình	227	10	134.186.955	94.588.863
Nguyên giá	228		325.364.954	267.024.704
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(191.177.999)	(172.435.841)
Tài sản dở dang dài hạn	240		2.755.068.845.143	2.684.293.233.283
Xây dựng cơ bản dở dang	242	11	2.755.068.845.143	2.684.293.233.283
Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.950.000.000	1.950.000.000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	12	1.950.000.000	1.950.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		86.409.248	3.463.375.644
Chi phí trả trước dài hạn	261	13(b)	86.409.248	3.463.375.644
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		3.601.859.128.160	3.454.936.654.528

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam – Văn phòng Công ty
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		2.396.775.019.562	2.347.777.657.381
Nợ ngắn hạn	310		1.374.285.575.999	1.157.482.843.886
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	52.225.338.495	137.117.716.185
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	9.386.221.948	2.530.679.259
Phải trả người lao động	314		3.269.735.985	3.129.080.987
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	1.444.583.118	1.171.815.298
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316	17	977.952.137.423	798.086.739.998
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	18.052.135.393	16.038.801.290
Vay ngắn hạn	320	19(a)	310.931.286.540	196.418.205.638
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	20	1.024.137.097	2.989.805.231
Nợ dài hạn	330		1.022.489.443.563	1.190.294.813.495
Vay dài hạn	338	19(b)	1.022.489.443.563	1.190.294.813.495
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.205.084.108.598	1.107.158.997.147
Vốn chủ sở hữu	410	21	1.205.084.108.598	1.107.158.997.147
Vốn cổ phần	411	22	1.024.930.980.000	1.024.930.980.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.024.930.980.000	1.024.930.980.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		2.963.476.440	2.963.476.440
Vốn khác của chủ sở hữu	414		3.925.008.073	1.490.730.951
Quỹ đầu tư phát triển	418	24	11.068.256.211	13.502.533.333
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		162.196.387.874	64.271.276.423
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		17.535.548	8.283.642.072
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		162.178.852.326	55.987.634.351
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		3.601.859.128.160	3.454.936.654.528

Ngày 23 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Lê Tuyên Quang
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Tùng Phương
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam – Văn phòng Công ty
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 02 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Doanh thu bán hàng	01	26	593.372.937.658	448.743.607.239
Giá vốn hàng bán	11	27	263.131.078.004	243.897.044.997
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		330.241.859.654	204.846.562.242
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	3.381.900.289	2.008.373.376
Chi phí tài chính	22	29	115.761.266.260	121.699.376.147
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		112.400.540.010	121.748.711.472
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	29.009.255.260	27.685.997.600
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 26)	30		188.853.238.423	57.469.561.871
Thu nhập khác	31		75.723.543	243.593.636
Chi phí khác	32		967.806.492	331.200.000
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(892.082.949)	(87.606.364)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		187.961.155.474	57.381.955.507
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	25.782.303.148	1.394.321.156
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		162.178.852.326	55.987.634.351

Ngày 23 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Lê Tuyên Quang
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Tùng Phương
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam – Văn phòng Công ty
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp trực tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		652.917.882.661	481.577.219.006
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(4.583.889.135)	(6.253.357.200)
Tiền chi trả cho người lao động	03		(11.991.955.285)	(11.893.246.075)
Tiền lãi vay đã trả	04		(112.326.049.788)	(121.682.310.253)
Thuế nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(20.882.617.315)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		2.349.158.362	1.278.593.466
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(153.361.562.609)	(115.614.776.695)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		352.120.966.891	227.412.122.249
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(156.791.313.761)	(33.807.389.893)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	200.200.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.970.501.151	1.913.151.002
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(153.820.812.610)	(31.694.038.891)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		180.002.348.119	162.666.544.839
Tiền trả nợ gốc vay	34		(233.294.637.149)	(303.736.089.668)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả	36		(59.319.881.634)	(48.885.078.848)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(112.612.170.664)	(189.954.623.677)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam – Văn phòng Công ty
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp trực tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		85.687.983.617	5.763.459.681
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		57.097.060.312	51.332.490.941
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(47.557)	1.109.690
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	142.784.996.372	57.097.060.312

Ngày 23 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Lê Tuyên Quang
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Tùng Phương
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam – Văn phòng Công ty
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 phản ánh số liệu báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Văn phòng Công ty là sản xuất, truyền tải và phân phối điện.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Văn phòng Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 và ngày 1 tháng 1 năm 2017, Công ty có 3 đơn vị trực thuộc như sau:

Đơn vị trực thuộc	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Nhà máy Thủy điện Bắc Bình	Bình Thuận	Sản xuất điện năng
Nhà máy Thủy điện Khe Bô	Nghệ An	Sản xuất điện năng
Trung tâm tư vấn Thiết kế	Hà Nội	Tư vấn, thiết kế

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Văn phòng Công ty có 58 nhân viên (1/1/2017: 59 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Văn phòng Công ty cũng áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp của Tập đoàn Điện lực Việt Nam đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Văn bản số 12227/BTC-CDKT ngày 3 tháng 9 năm 2015, hướng dẫn kế toán cho Công ty do Tập đoàn Điện lực Việt Nam ban hành theo Văn bản số 3793/EVN-TCKT ngày 15 tháng 9 năm 2015 đối với việc trích trước nguyên giá của tài sản cố định tạm tăng của Nhà máy Thủy điện Khe Bô và Nhà máy Thủy điện Bắc Bình.

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam – Văn phòng Công ty
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Hiện tại mô hình tổ chức kế toán của Công ty được phân cấp như sau:

- Doanh thu của Nhà máy Thủy điện Bắc Bình và Nhà máy Thủy điện Khe Bô được ghi nhận tập trung tại Văn phòng Công ty.
- Chi phí phát sinh tương ứng với doanh thu được hạch toán riêng tại Văn phòng, Nhà máy Thủy điện Bắc Bình và Nhà máy Thủy điện Khe Bô và sau đó được kết chuyển lên Văn phòng Công ty thông qua tài khoản phải trả nội bộ ngắn hạn.

Do những đặc điểm trong mô hình tổ chức kế toán của Công ty như trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty quyết định rằng báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty được lập trên cơ sở như sau:

- Bảng cân đối kế toán bao gồm số liệu của Văn phòng Công ty.
- Kết quả kinh doanh bao gồm doanh thu của Nhà máy Thủy điện Bắc Bình và Nhà máy Thủy điện Khe Bô được ghi nhận tập trung tại Văn phòng Công ty, chi phí của Văn phòng Công ty và các chi phí được kết chuyển từ Nhà máy Thủy điện Bắc Bình và Nhà máy Thủy điện Khe Bô.
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ bao gồm các luồng tiền thu và chi của Văn phòng Công ty.

Công ty cũng lập và phát hành báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty phản ánh số liệu của Văn phòng Công ty và tất cả các đơn vị hạch toán phụ thuộc của Công ty. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty, báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty.

(b) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 1.148.467 triệu VND (1/1/2017: 1.010.137 triệu VND). Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính này cơ bản dựa trên khả năng của Văn phòng Công ty trong việc tạo ra dòng tiền trong tương lai đủ để Văn phòng Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Văn phòng Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại thời điểm lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc nghi ngờ về khả năng tiếp tục hoạt động của Văn phòng Công ty.

(c) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp trực tiếp.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Văn phòng Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Văn phòng Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Văn phòng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Văn phòng Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho, ngoại trừ chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang là các dự án dịch vụ được tính theo phương pháp đích danh và bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Văn phòng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Xây dựng cơ bản hoàn thành được ghi tăng tài sản cố định tại thời điểm căn cứ theo biên bản nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng. Đối với các tài sản cố định được bàn giao từ đầu tư xây dựng trong năm hoàn thành nhưng chưa được phê duyệt quyết toán, giá trị ghi tăng nguyên giá tài sản cố định là giá theo dự toán được duyệt. Khi giá trị công trình được duyệt, nguyên giá tài sản cố định sẽ được điều chỉnh theo giá trị quyết toán.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 50 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 20 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 10 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 8 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 - 10 năm.

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam – Văn phòng Công ty
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(h) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng chưa hoàn thành và máy móc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Văn phòng Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian tối đa không quá 3 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Văn phòng Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Phần thu từ phát hành cổ phiếu phổ thông vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất cố hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam – Văn phòng Công ty
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán điện

Doanh thu bán điện được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh dựa trên sản lượng điện cung cấp vào hệ thống truyền tải điện và có xác nhận của khách hàng. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Văn phòng Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Văn phòng Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam – Văn phòng Công ty
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tiền mặt	174.065.094	222.496.266
Tiền gửi ngân hàng	3.149.538.158	607.531.343
Các khoản tương đương tiền	139.461.393.120	56.267.032.703
	<hr/>	<hr/>
	142.784.996.372	57.097.060.312
	<hr/>	<hr/>

5. Phải thu của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Công ty Mua bán Điện	39.444.387.092	39.491.480.439
Các khách hàng khác	861.577.951	1.022.135.841
	<hr/>	<hr/>
	40.305.965.043	40.513.616.280
	<hr/>	<hr/>

(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Công ty Mua bán Điện	39.444.387.092	39.491.480.439
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	856.208.744	1.019.303.452
	<hr/>	<hr/>
	40.300.595.836	40.510.783.891
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu thương mại từ khách hàng là bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả là 15 ngày kể từ ngày bên mua nhận được hóa đơn thanh toán hợp lệ và chính xác của bên bán.

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam – Văn phòng Công ty
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

6. Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Ký cược, ký quỹ	-	3.467.105.093
Tạm ứng cho Ban Quản lý Dự án bồi thường di dân và tái định cư huyện Tương Dương	4.472.363.000	4.472.363.000
Tạm ứng cho nhân viên	353.222.000	512.710.000
Phải thu về lãi tiền gửi	220.788.637	103.836.210
Các khoản phải thu khác	34.300.824	469.359.057
	<hr/>	<hr/>
	5.080.674.461	9.025.373.360

7. Hàng tồn kho

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Nguyên vật liệu	81.777.800	92.237.863
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	636.606.492
	<hr/>	<hr/>
	81.777.800	728.844.355

8. Phải thu nội bộ dài hạn

Phải thu nội bộ dài hạn bao gồm các khoản tiền vốn và tài sản Văn phòng Công ty đã cấp cho các đơn vị trực thuộc để duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam – Văn phòng Công ty
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	24.295.608.362	9.311.965.596	3.783.181.600	374.923.133	37.765.678.691
Tăng trong năm	-	-	-	61.950.000	61.950.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	633.800.759	633.800.759
Số dư cuối năm	24.295.608.362	9.311.965.596	3.783.181.600	1.070.673.892	38.461.429.450
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	8.856.652.660	8.473.268.654	2.581.007.927	336.026.364	20.246.955.605
Khấu hao trong năm	859.222.992	222.213.212	298.243.011	49.947.478	1.429.626.693
Số dư cuối năm	9.715.875.652	8.695.481.866	2.879.250.938	385.973.842	21.676.582.298
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	15.438.955.702	838.696.942	1.202.173.673	38.896.769	17.518.723.086
Số dư cuối năm	14.579.732.710	616.483.730	903.930.662	684.700.050	16.784.847.152

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 có các tài sản cố nguyên giá 9.946.655.139 VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (1/1/2017: 9.054.124.493 VND).

Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình không còn sử dụng được và chờ thanh lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 68.032.224 VND (1/1/2017: 68.032.224 VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 10.286.303.045 VND (1/1/2017: 10.525.532.858 VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Văn phòng Công ty.

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam – Văn phòng Công ty
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	175.210.114	91.814.590	267.024.704
Tăng trong năm	58.340.250	-	58.340.250
Số dư cuối năm	233.550.364	91.814.590	325.364.954
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	80.621.251	91.814.590	172.435.841
Khấu hao trong năm	18.742.158	-	18.742.158
Số dư cuối năm	99.363.409	91.814.590	191.177.999
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	94.588.863	-	94.588.863
Số dư cuối năm	134.186.955	-	134.186.955

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 91.814.590 VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: 91.814.590 VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

11. Xây dựng cơ bản dở dang

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	2.684.293.233.283	2.613.766.963.406
Tăng trong năm	71.409.412.619	70.526.269.877
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(633.800.759)	-
Số dư cuối năm	2.755.068.845.143	2.684.293.233.283

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam – Văn phòng Công ty
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Công trình Nhà máy thủy điện Bắc Bình(*)	23.906.440.144	18.806.434.851
Công trình Nhà máy Thủy điện Khe Bó (*)	2.698.506.252.650	2.665.393.755.606
Tòa nhà văn phòng Công ty	32.563.109.523	-
Công trình khác	93.042.826	93.042.826
	<hr/>	<hr/>
	2.755.068.845.143	2.684.293.233.283

(*) Các công trình này đã đi vào hoạt động và được hạch toán tạm tăng tại Nhà máy Thủy điện Bắc Bình và Nhà máy Thủy điện Khe Bó, hai đơn vị trực thuộc của Công ty. Tuy nhiên, tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, giá trị của các công trình này vẫn chưa được quyết toán nên vẫn được theo dõi trên xây dựng cơ bản dở dang của Văn phòng Công ty.

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam – Văn phòng Công ty
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Địa chỉ	Số lượng	% sở hữu và quyền biểu quyết	31/12/2017			Số lượng	% sở hữu và quyền biểu quyết	1/1/2017		
				Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND			Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào: Công ty Cổ phần Thủy điện Cẩm Sơn	Lạng Sơn	195.000	9,60%	1.950.000.000	-	(*)	195.000	9,83%	1.950.000.000	-	(*)

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư tài chính dài hạn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam – Văn phòng Công ty
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Công cụ và dụng cụ	19.545.908	14.840.908
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	-	2.995.454
	19.545.908	17.836.362

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Chi phí trả trước dài hạn khác VND	Tổng cộng VND
Số dư đầu năm	40.916.017	3.422.459.627	3.463.375.644
Tăng trong năm	24.536.364	21.272.640	45.809.004
Phân bổ trong năm	(45.187.614)	(3.377.587.786)	(3.422.775.400)
	20.264.767	66.144.481	86.409.248

14. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Liên danh YMEC-ZHEFU-EEMC	-	16.756.318.609
Công ty Cổ phần Cơ khí Điện lực	10.437.529.475	13.473.187.656
Tổng Công ty 36	9.054.498.668	68.320.850.976
Ban Quản lý Dự án bồi thường di dân và tái định cư huyện Tương Dương	8.008.312.108	6.285.560.269
Các nhà cung cấp khác	24.724.998.244	32.281.798.675
	52.225.338.495	137.117.716.185

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam – Văn phòng Công ty
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số đã khấu trừ trong năm VND	31/12/2017 VND
Thuế giá trị gia tăng	306.496.589	59.340.748.307	(51.239.595.061)	(6.277.307.134)	2.130.342.701
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.152.657.772	25.782.303.148	(20.882.617.315)	-	6.052.343.605
Thuế thu nhập cá nhân	862.283.258	1.668.062.095	(1.539.966.055)	-	990.379.298
Thuế tài nguyên	67.290.220	917.862.536	(925.998.616)	-	59.154.140
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	25.855.232	(25.855.232)	-	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	141.951.420	236.516.864	(224.466.080)	-	154.002.204
	2.530.679.259	87.974.348.182	(74.841.498.359)	(6.277.307.134)	9.386.221.948

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam – Văn phòng Công ty
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Chi phí lãi vay	344.323.912	269.833.690
Chi phí thưởng vận hành an toàn điện	-	637.036.899
Các khoản trích trước khác	1.100.259.206	264.944.709
	<hr/>	<hr/>
	1.444.583.118	1.171.815.298

17. Phải trả nội bộ ngắn hạn

Phải trả nội bộ ngắn hạn bao gồm các chi phí sản xuất kinh doanh lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Nhà máy Thủy điện Bắc Bình và Nhà máy Thủy điện Khe Bô đã được kết chuyển lên Văn phòng Công ty.

18. Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Kinh phí công đoàn	68.505.580	14.201.160
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	-	1.972.974
Cổ tức phải trả	16.678.959.753	14.810.461.881
Tiền ứng vốn tạm thời do Hội đồng di dân, tái định cư Huyện Tương Dương trả hộ cho Dự án Nhà máy Thủy điện Khe Bô	1.000.000.000	1.000.000.000
Phải trả, phải nộp khác	304.670.060	212.165.275
	<hr/>	<hr/>
	18.052.135.393	16.038.801.290

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam – Văn phòng Công ty
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2017 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		31/12/2017 Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	13.318.205.638	30.707.718.051	(34.194.637.149)	9.831.286.540
Vay dài hạn đến hạn trả (19(b))	183.100.000.000	317.100.000.000	(199.100.000.000)	301.100.000.000
	196.418.205.638	347.807.718.051	(233.294.637.149)	310.931.286.540

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình - Chi nhánh Quảng Ninh	VND	7% - 9%	9.831.286.540	13.318.205.638

Các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình của Văn phòng Công ty có giá trị còn lại là 10.286.303.045 VND (1/1/2017: 10.525.532.858 VND) (Thuyết minh 9).

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam – Văn phòng Công ty
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nghệ An (*)	VND	6,90% - 10,50%	2020	905.466.301.476	1.049.466.301.476
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Hồ	VND	9,48% - 9,50%	2025	205.200.000.000	223.200.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Tây Hà Nội				83.060.003.274	100.728.512.019
<i>Hợp đồng số 93 - 21.08.15/HĐTD/TPBANK.THN</i>	VND	9,48% - 9,50%	2025	38.807.391.725	44.807.391.725
<i>Hợp đồng số 155 - 26.11.15/HĐTD/TPBANK.THN</i>	VND	9,48% - 9,50%	2020	44.252.611.549	55.921.120.294
Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình – Chi nhánh Quảng Ninh (*)	VND	9,20% - 9,54%	2027	129.863.138.813	-
				1.323.589.443.563	1.373.394.813.495
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(301.100.000.000)	(183.100.000.000)
				1.022.489.443.563	1.190.294.813.495

Các khoản vay dài hạn từ ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình và vô hình tạm tăng của Nhà máy Thủy điện Bắc Bình và Nhà máy Thủy điện Khe Bó có giá trị còn lại là 2.347.240.996.176 VND (1/1/2017: 2.526.833.200.690 VND).

(*) Đây là các khoản vay có lãi suất cố định theo từng lần giải ngân.

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam – Văn phòng Công ty
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Văn phòng Công ty.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	2.989.805.231	7.516.521.993
Trích lập trong năm	3.605.603.837	1.301.344.131
Tăng khác trong năm	72.700.000	8.000.000
Sử dụng trong năm	(5.643.971.971)	(5.836.060.893)
Số dư cuối năm	<u>1.024.137.097</u>	<u>2.989.805.231</u>

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam – Văn phòng Công ty
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2016	999.966.710.000	27.927.746.440	1.454.930.951	12.670.770.579	60.450.884.457	1.102.471.042.427
Phát hành cổ phiếu	24.964.270.000	(24.964.270.000)	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	55.987.634.351	55.987.634.351
Cổ tức (thuyết minh số 23)	-	-	-	-	(49.998.335.500)	(49.998.335.500)
Phân bổ vào quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	867.562.754	(867.562.754)	-
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(1.301.344.131)	(1.301.344.131)
Sử dụng quỹ đầu tư phát triển mua tài sản cố định	-	-	35.800.000	(35.800.000)	-	-
Số dư tại ngày 1/1/2017	1.024.930.980.000	2.963.476.440	1.490.730.951	13.502.533.333	64.271.276.423	1.107.158.997.147

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam – Văn phòng Công ty
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1/1/2017	1.024.930.980.000	2.963.476.440	1.490.730.951	13.502.533.333	64.271.276.423	1.107.158.997.147
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	162.178.852.326	162.178.852.326
Lợi nhuận từ Trung tâm tư vấn Thiết kế (đơn vị hạch toán độc lập) chuyển về văn phòng Công ty	-	-	-	-	540.242.468	540.242.468
Cổ tức (thuyết minh số 23)	-	-	-	-	(61.188.379.506)	(61.188.379.506)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(3.605.603.837)	(3.605.603.837)
Sử dụng quỹ đầu tư phát triển mua tài sản cố định	-	-	2.434.277.122	(2.434.277.122)	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2017	1.024.930.980.000	2.963.476.440	3.925.008.073	11.068.256.211	162.196.387.874	1.205.084.108.598

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam – Văn phòng Công ty
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. **Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2017 và 1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	102.493.098	1.024.930.980.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	102.493.098	1.024.930.980.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	102.493.098	1.024.930.980.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

23. **Cổ tức**

Tại cuộc họp ngày 21 tháng 4 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 61.205.915.054 VND từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Tại cuộc họp ngày 21 tháng 9 năm 2017, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định chi trả khoản cổ tức 61.188.379.506 VND bằng tiền để đảm bảo cổ tức chi trả cho mỗi cổ phiếu không lẻ. Công ty đã chi trả khoản cổ tức này từ tháng 10 năm 2017.

Tại cuộc họp ngày 23 tháng 4 năm 2016, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 49.998.335.500 VND từ lợi nhuận sau thuế của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015. Công ty đã chi trả khoản cổ tức này từ tháng 10 năm 2016.

24. **Quỹ đầu tư phát triển**

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam – Văn phòng Công ty
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Ngoại tệ các loại

	31/12/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Trương đương VND	Nguyên tệ	Trương đương VND
USD	2.369	53.719.343	2.386	54.379.621

26. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	2017 VND	2016 VND
Doanh thu bán điện thương phẩm		
▪ Nhà máy Thủy điện Nậm Má	10.377.486.847	10.559.773.584
▪ Nhà máy Thủy điện Bắc Bình	142.585.965.380	71.079.618.771
▪ Nhà máy Thủy điện Khe Bô	440.409.485.431	367.104.214.884
	593.372.937.658	448.743.607.239

27. Giá vốn hàng bán

	2017 VND	2016 VND
Giá vốn của điện thương phẩm đã bán		
▪ Nhà máy Thủy điện Nậm Má	5.774.355.345	5.922.949.704
▪ Nhà máy Thủy điện Bắc Bình	65.736.335.560	56.294.124.896
▪ Nhà máy Thủy điện Khe Bô	191.620.387.099	181.679.970.397
	263.131.078.004	243.897.044.997

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam – Văn phòng Công ty
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Doanh thu hoạt động tài chính

	2017 VND	2016 VND
Lãi tiền gửi	2.989.953.578	1.940.123.376
Cổ tức được chia	97.500.000	68.250.000
Lãi chênh lệch tỷ giá thực hiện	287.954.087	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	6.492.624	-
	<hr/> 3.381.900.289	<hr/> 2.008.373.376

29. Chi phí tài chính

	2017 VND	2016 VND
Chi phí lãi vay	112.400.540.010	121.748.711.472
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	267.139.351
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư	-	(750.597.372)
Chi phí tài chính khác	3.360.726.250	434.122.696
	<hr/> 115.761.266.260	<hr/> 121.699.376.147

30. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nguyên vật liệu, vật liệu	615.707.553	622.111.667
Chi phí nhân viên	17.031.784.350	16.732.947.148
Chi phí công cụ, dụng cụ và đồ dùng	192.369.795	543.150.631
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.861.761.491	1.466.411.773
Thuế, phí và lệ phí	73.355.642	66.309.642
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.428.839.548	1.657.353.409
Chi phí khác bằng tiền	7.805.436.881	6.597.713.330
	<hr/> 29.009.255.260	<hr/> 27.685.997.600

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam – Văn phòng Công ty
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	2017	2016
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	856.594.134	1.163.739.894
Chi phí nhân viên	29.526.287.347	28.418.808.279
Chi phí công cụ, dụng cụ và đồ dùng	275.919.419	882.323.299
Chi phí khấu hao tài sản cố định	181.352.586.648	181.267.408.253
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	1.987.752.630	963.615.766
Thuế, phí và lệ phí	62.622.481.412	44.694.398.147
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.768.793.678	5.042.377.021
Chi phí khác	10.749.917.996	9.786.978.430

32. Thuế thu nhập

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2017	2016
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	187.961.155.474	57.381.955.507
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	37.592.231.095	11.476.391.101
Ưu đãi thuế	(12.003.175.975)	(10.168.275.043)
Chi phí không được khấu trừ thuế	212.748.028	99.855.098
Thu nhập không bị tính thuế	(19.500.000)	(13.650.000)
	25.782.303.148	1.394.321.156

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam – Văn phòng Công ty
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Thuế suất áp dụng

Nhà máy Thủy điện Bắc Bình

Theo các quy định hiện hành về thuế thu nhập, Nhà máy Thủy điện Bắc Bình có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế. Các quy định hiện hành về thuế thu nhập cho phép Nhà máy được miễn thuế thu nhập trong 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2009 đến năm 2011) và giảm 50% thuế thu nhập trong 5 năm tiếp theo (từ năm 2012 đến năm 2016). Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20% từ năm 2016.

Nhà máy Thủy điện Khe Bó

Theo các quy định hiện hành về thuế thu nhập, Nhà máy Thủy điện Khe Bó có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế. Các quy định hiện hành về thuế thu nhập cho phép Nhà máy được miễn thuế thu nhập trong năm 2015 và 2016 và giảm 50% thuế thu nhập trong 7 năm tiếp theo (từ năm 2017 đến năm 2023). Tất cả các miễn giảm thuế trên sẽ không áp dụng với các khoản thu nhập khác, các khoản thu nhập khác này sẽ chịu thuế suất 20% từ năm 2016.

Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20% từ năm 2016.

33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Văn phòng Công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2017 VND	2016 VND
Các công ty liên quan		
<i>Tổng Công ty Phát điện 1</i>		
Cổ tức	22.423.226.271	18.321.875.000
<i>Công ty Mua bán Điện</i>		
Doanh thu bán hàng	582.995.450.811	438.183.833.655
<i>Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc</i>		
Doanh thu bán hàng	10.322.689.624	10.536.555.555
Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát		
Lương và thù lao	1.785.177.260	1.533.232.715
Ban Tổng Giám đốc		
Tiền lương và thưởng	1.098.785.281	1.214.587.492

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam – Văn phòng Công ty
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

34. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Văn phòng Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ngày 23 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Lê Tuyên Quang
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:



Nguyễn Tùng Phương
Kế toán trưởng



Nguyễn Thanh Tùng
Tổng Giám đốc



Số: 287 /VNPD-TCKT
V/v: Giải trình biến động lợi nhuận

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2018

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà nước (UBCKNN)
Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh

Căn cứ Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Công ty Cổ phần Phát triển Điện lực Việt Nam giải trình biến động lợi nhuận kế toán trước thuế trên Báo cáo tài chính – Văn Phòng Công ty đã được kiểm toán năm 2017 như sau:

- Lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2017: 187.961.155.474 đồng.
- Lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2016: 57.381.955.507 đồng.

Nguyên nhân chủ yếu:

Lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2017 tăng 228% so với năm 2016 chủ yếu là do: Lượng nước về các hồ thủy điện trong năm nay nhiều hơn so với năm trước, sản lượng điện sản xuất của các Nhà máy tăng lên, dẫn đến Doanh thu về SXKD điện tăng cao, các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận năm nay tăng lên. Một số chỉ tiêu cụ thể như sau:

Đơn vị tính : Đồng

CHỈ TIÊU	Năm 2017	Năm 2016	Chênh lệch	
			Tăng/giảm	Tỷ lệ
Doanh thu thuần	593.372.937.658	448.743.607.239	144.629.330.419	32%
Giá vốn hàng bán	263.131.078.004	243.897.044.997	19.234.033.007	8%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	330.241.859.654	204.846.562.242	125.395.297.412	61%
Doanh thu hoạt động tài chính	3.381.900.289	2.008.373.376	1.373.526.913	68%
Chi phí tài chính	115.761.266.260	121.699.376.147	(5.938.109.887)	-5%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	29.009.255.260	27.685.997.600	1.323.257.660	5%
Lợi nhuận khác	(892.082.949)	(87.606.364)	(804.476.585)	-918%
Lợi nhuận kế toán trước thuế	187.961.155.474	57.381.955.507	130.579.199.967	228%

Công ty xin giải trình số liệu với Quý cơ quan và Quý cổ đông.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TCKT, VP HQ



Nguyễn Thanh Tùng